

SỞ Y TẾ HẢI PHÒNG
ĐẾN Số: 76484
Ngày: 17/8/2026
Chuyên:
Số và ký hiệu HS:

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC
VTYT HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 0005...
V/v kê khai giá hàng hóa, dịch
vụ bán trong nước

Hải Phòng, ngày 15 tháng 08 năm 2026

Kính gửi: **SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Thực hiện quy định tại Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương gửi Bảng kê khai mức giá hàng hoá, dịch vụ bán trong nước (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 15/8/2026

Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ *h*

(Ký tên, đóng dấu)



Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu nội bộ.

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐSCKI: NGUYỄN THỊ TỨ ANH

- Họ và tên người nộp văn bản: Dư Thị Thùy Linh – Phòng Marketing
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai: Số 102 Chi Lăng, phường Thành Đông, TP Hải Phòng
- Số điện thoại liên lạc: 0968220257
- Email: marketing@hdpharma.vn

GHI NHẬN NGÀY NỘP VĂN BẢN KÊ KHAI GIÁ CỦA CƠ QUAN TIẾP NHẬN

(Cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá ghi ngày, tháng, năm nhận được văn bản kê khai giá và đóng dấu công văn đến)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VITYT
HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 13. tháng 08. năm 2026

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số 0005 ngày 13. tháng 08. năm 2026 của Công ty Cổ phần Dược VITYT Hải Dương về việc kê khai giá hàng hóa, dịch vụ bán trong nước)

1. Mức giá kê khai bán trong nước:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liền kề trước	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Ghi chú
1	Hadumix Cap (893100108000)	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Hộp	Bán buôn cho nhà phân phối	103.577đ	113.080đ	Điều chỉnh giá từ ngày 15/8/2026	+9.503đ	+ 9,20%	Kê khai kỳ trước theo CV số 0002 ngày 08/4/2026
				Bán buôn cho đại lý	106.439đ	116.204đ		+9.765đ		
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc	108.728đ	118.703đ		+9.975đ		
2	Sulfadiazin Bạc 1% (893100130725)	Hộp 1 tube	Tube	Bán buôn	22.999đ	27.300đ		+4.301đ	+18,70%	Kê khai kỳ trước theo CV số 0004 ngày 07/7/2026
3	Acemuc 200mg (893100495724)	Hộp 30 gói	Gói	Bán buôn	2.800đ	2.866,5đ		+67đ	+2,39%	
4	Eldoper 2mg (890110031323)	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	Bán buôn	280đ	294đ		+14đ	+5,00%	
5	Augmentin 625mg (VN-20169-16)	Hộp 2 vỉ x 7 viên	Viên	Bán buôn	14.143đ	14.428đ		+285đ	+2,00%	Kê khai kỳ trước theo CV số 0003 ngày 04/6/2026
6	Natriclorid 0,9% (893110039623)	Chai 250ml	Chai	Bán thầu	KK bổ sung	5.890đ				

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liên kế trước	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/giảm so với kỳ liên kế trước	Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liên kế trước	Ghi chú
7	Natriclorid 0,9% (893110039623)	Chai 1000ml	Chai	Bán thầu	KK bổ sung	11.691đ	Điều chỉnh giá từ ngày 15/8/2026			
8	Natriclorid 0,9% (893110039623)	Chai 500ml	Chai	Bán thầu	KK bổ sung	9.450đ				
9	Natriclorid 0,9% (893110039623)	Chai 100ml	Chai	Bán thầu	KK bổ sung	8.400đ				
10	Kali clorid 500mg (893110627524)	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	Bán thầu	KK bổ sung	800đ				

- Mức thuế giá trị gia tăng đã bao gồm trong giá: 5%.

- Giá kê khai là mức giá bán ghi trên hóa đơn đã trừ chiết khấu, giảm giá và bao gồm thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ.